

Số: 882 /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố xếp hạng Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 3322/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về ban hành Chương trình cải cách hành chính tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 200/KH-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 21/TTr-SNV ngày 04/4/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố xếp hạng Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2021 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2021, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai các giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức trong những năm tiếp theo.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì theo dõi kết quả triển khai các giải pháp nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

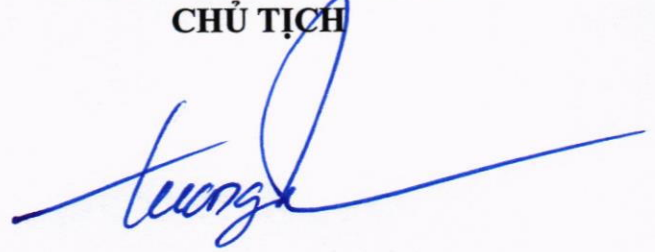
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- V0, V1-3, TH4;
- Lưu: VT, TH1.

60b_QĐCCHC6

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tường Văn

Phụ lục
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC
ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh)

1. Các sở, ban, ngành

STT	Tên đơn vị	Chỉ số sự hài lòng SIPAS (%)
1	Sở Tài chính	97,39
2	Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh	96,96
3	Sở Nội vụ	96,63
4	Sở Thông tin và Truyền thông	95,25
5	Sở Văn hóa và Thể thao	94,92
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	94,36
7	Sở Tư pháp	94,16
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	93,97
9	Sở Du lịch	93,63
10	Sở Y tế	93,24
11	Sở Xây dựng	92,64
12	Sở Khoe học và Công nghệ	92,43
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	92,26
14	Thanh tra tỉnh	91,98
15	Sở Ngoại vụ	91,72
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	91,5
17	Sở Giao thông Vận tải	91,28
18	Sở Công Thương	91,00
19	Ban Dân tộc tỉnh	90,92
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	90,55

2. Các huyện, thị xã, thành phố



STT	Tên đơn vị	Chỉ số sự hài lòng SIPAS 2021 (%)
1	Thị xã Đông Triều	96,92
2	Huyện Bình Liêu	96,31
3	Huyện Đầm Hà	96,04
4	Thị xã Quảng Yên	95,89
5	Thành phố Uông Bí	95,28
6	Thành phố Móng Cái	95,05
7	Thành phố Cẩm Phả	94,84
8	Huyện Vân Đồn	94,24
9	Huyện Ba Chẽ	93,85
10	Huyện Hải Hà	93,31
11	Thành phố Hạ Long	92,99
12	Huyện Tiên Yên	92,53
13	Huyện Cô Tô	92,17

3. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh



STT	Tên đơn vị	Chỉ số sự hài lòng SIPAS (%)
1	Cục Hải quan tỉnh	97,38
2	Bảo hiểm xã hội tỉnh	97,01
3	Kho bạc Nhà nước tỉnh	96,76
4	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Ninh	96,18
5	Công an tỉnh	95,89
6	Cục Thuế tỉnh	95,47
7	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	95,09
8	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	94,91